

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-8-2020
V/v tranh chấp về ly hôn và
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vụ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Hoàng Long và ông Phạm Xuân Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2020/TLST-HNGĐ, ngày 24-02-2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX-ST ngày 05-8-2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Xuân Q; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lý Thanh T; địa chỉ: Bon R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Thị Xuân Q trình bày: Chị và anh Lý Thanh T đăng kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vào ngày 17-8-2016, việc chung sống và kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện không ai xúi dục ép buộc. Quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung là cháu Lý Mỹ N, sinh ngày 08-8-2017. Thời gian đầu chị và anh T chung sống hạnh phúc; về sau này phát sinh mâu thuẫn, mỗi lần anh T uống rượu về kiếm chuyện đánh đập chị. Từ ngày 25-7-2019 đến nay chị và anh T đã ly thân. Vì vậy chị Q yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T; về con chung: Chị Q yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lý Mỹ N sinh ngày 08-8-2017; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty

K tọa lạc tại khu công nghiệp V, tỉnh B với mức lương 08 triệu đồng/tháng đảm bảo việc nuôi dưỡng con.

Bị đơn anh Lý Thanh T trình bày: Anh T cơ bản thống nhất với trình bày của chị Q. Về quan hệ hôn nhân anh T đồng ý ly hôn với chị Q; về con chung anh T đề nghị được nuôi con chung là cháu Lý Mỹ N, sinh ngày 08-8-2017 không yêu cầu chị Q cấp dưỡng, bởi vì hiện nay chị Q không trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con mà gửi lại cho bà ngoại (mẹ của chị Q) trông coi để đi làm công nhân tại tỉnh B, mức lương làm công nhân không ổn định, không đảm bảo điều kiện tốt nhất để nuôi dưỡng, giáo dục con. Hiện nay anh đang ở nhà làm rẫy, có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con; về điều kiện kinh tế: anh được bố mẹ cho 1,5ha tiêu ở B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hàng năm thu khoảng 05 tấn tiêu, sau khi trừ chi phí thì còn thu nhập được khoảng 120.000.000 đồng/ năm, và ngày 13-8-2020 bố mẹ anh đã làm hợp đồng tặng cho anh 2,4ha đất tại thửa số 33, tờ bản đồ số 79 tọa lạc tại thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hiện trên đất đã trồng cà phê, tiêu đang trong thu chính, hàng năm thu nhập khoảng hơn 200.000.000 đồng/năm sau khi đã trừ chi phí nên đảm bảo điều kiện về kinh tế để nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Xuân Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Lý Thanh T đồng ý ly hôn với chị Trương Thị Xuân Q; về con chung: Anh T có nguyện vọng được nuôi cháu Lý Mỹ N, sinh ngày 08-8-2017; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Xuân Q được ly hôn với anh Lý Thanh T; về con chung: Giao cháu Lý Mỹ N, sinh ngày 08-8-2017 cho anh Lý Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Chị Trương Thị Xuân Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lý Thanh T và yêu cầu được nuôi con, giữa chị Q và anh T có đăng ký kết hôn nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; anh T có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Trương Thị Xuân Q, thấy rằng*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh T kết hôn tự nguyện, không ép buộc, đăng ký kết hôn ngày 17-8-2016, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là hợp pháp và có thật. Do mâu thuẫn gia đình, chị Q và anh T đã ly thân từ tháng 7/2019, thể hiện cuộc sống hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời quá trình giải quyết vụ án anh T đồng ý ly hôn với chị Q nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Q và anh T có 01 con chung là cháu Lý Mỹ N, sinh ngày 08-8-2017. Xét thấy chị Q hiện đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương, đang phải thuê nhà trọ để ở, không có đủ thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng con và thực tế từ khi đi làm công nhân ở tỉnh B chị Q gửi con lại cho mẹ đẻ của chị Q (trú tại thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) để chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại anh T đang làm rẫy ở nhà nên có thời gian trong việc sắp xếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và anh T ở gần bố mẹ đẻ nên bố mẹ có thể hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc nuôi con; về điều kiện kinh tế anh T chứng minh được có thu nhập ổn định từ việc làm rẫy nên đảm bảo điều kiện về kinh tế để nuôi con và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng.

Từ những phân tích nêu trên, xét tổng thể về điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình, công việc và thời gian để chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lý Mỹ N thì anh T có điều kiện đảm bảo tốt hơn trong việc nuôi con, chăm sóc con. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh T, giao cháu Lý Mỹ N cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; anh T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] *Về án phí*: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Xuân Q. Chị Trương Thị Xuân Q được ly hôn với anh Lý Thanh T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lý Mỹ N, sinh ngày 08-8-2017 cho anh Lý Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3. Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Trương Thị Xuân Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000531, ngày 24-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ; chị Q đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (để vào sổ Hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quốc Vụ

